**KẾ HOẠCH DỰ ÁN**

**DỰ ÁN QUẢN LÝ CỬA HÀNG THUỐC ĐỨC KHÁNH Phú Diễn- Từ Liêm – Hà Nội**

**Mã hiệu dự án: DA.CHT. 01**

**Mã hiệu tài liệu: TL.CHT.01**

**Danh sách thành viên:**

1. Dương Lê Phúc Nguyện
2. Vũ Tuấn Khắc
3. Vũ Tiến Dũng

**Hà Nội, 05/02/2015**

**TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN**

1. **KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN**

* Ngày 05/02/2015 công ty KTPM2 nhận được yêu cầu của khách hàng **Nguyễn Đức Khánh** làm phần mềm Quản Lý Cửa Hàng Thuốc Đức Khánh.
* Công ty KTPM2 thành lập **tổ dự án 16** để tiếp nhận dự án trên.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thành Viên | Chức Vụ | Nhiệm Vụ |
| Dương Lê Phúc Nguyện | Quản Lý Dự Án |  |
| Vũ Tuấn Khắc | Lập Trình |  |
| Vũ Tiến Dũng | Thiết Kế |  |

* Tên dự án: Dự án quản lý cửa hàng thuốc Đức Khánh .
* Mã số: DA.CHT. 01
* Các thông tin chính:
* Chủ đầu tư : GD. **Nguyễn Đức Khánh**.
* Thời gian: 05/02/2015 đến 05/05/2015.
* Quản lý dự án: Dương Lê Phúc Nguyện.
* Văn Phòng Thực Hiện Dự Án: P802 A10 – HaUI.
* Qui mô dự án:
* Nhân lực : 4 người
* Phạm vi: Thuốc tây y ( chữa bệnh cho con người).
* Thời gian : 3 Tháng.

- Mục đích, mục tiêu,các yêu cầu và phạm vi.

* Mục đích : Xây dựng hoàn thiện phần mềm theo yêu cầu khách hàng.
* Mục tiêu : Các chức năng chính của sản phẩm sau khi đã được xây dựng:
  1. **Quản lý xuất nhập hàng.**
  2. **Quản lí danh mục thuốc.**
  3. **Quản lí kho.**
  4. **Báo cáo thống kê.**
  5. **Quản lí nhân viên.**
  6. **Cảnh báo về hạn dùng của thuốc.**
  7. **Hỗ trợ bán hàng.**
* Yêu cầu:
* Bên xây dựng phần mềm sẽ phải bàn giao sản phẩm hoàn thiện có đầy đủ chức năng, các tài liệu có liên quan như đã cam kết với khách hàng.
* Khách hàng phải đảm bảo bàn giao đúng số tiền xây dựng dự án cho bên xây dựng theo đúng bản hợp đồng.
* Phạm vi :
* Ranh giới của dự án: Sản phẩm được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.
* Sản phẩm chính: Phần mềm và tài liệu hướng dẫn sử dụng, quản trị.
* Các yếu tố được đưa vào dự án: Thông tin từ phía khách hàng.
* Các yếu tố được đưa ra ngoài dự án: Loại bỏ các yếu tố ảnh hưởng đến khách hàng.
* Những người liên quan chính :
* Nhóm thực hiện dự án : nhóm 16
* Những người sử dụng sản phẩm dự án : Cửa hàng thuốc Đức Khánh, người quản trị hệ thống .

1. **THÔNG TIN DỰ ÁN.**

Tên dự án : Xây dựng phần mềm quản lý thuốc.

Đơn vị tài trợ: Công Ty Cổ Phần ……...

Nhóm thực hiện dự án : nhóm 16

Quản lý dự án: Dương Lê Phúc Nguyện

Thời gian thực hiện dự án :

* Thời gian : 3 tháng.
* Ngày bắt đầu : 05/02/2015
* Ngày kết thúc : 05/05/2015

**1.Giả thiết về các điều kiện ràng buộc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả** | **Loại** |
| **1** | **Về nhân sự:**  Những người thực hiện dự án:  + Người quản lý dự án : Dương Lê Phúc Nguyện  + Tổ thực hiện dự án: Dương Lê Phúc Nguyện, Vũ Tuấn Khắc, Vũ Tiến Dũng.  Phía bên khách hàng:  + Người đại diện nghiệm thu dự án, chịu trách nhiệm kiểm tra sản phẩm cuối cùng. |  |
| **2** | **Về kỹ thuật, công nghệ:**  - Sử dụng ngôn ngữ lập trình C# – sử dụng lập trình hướng đối tượng  - Cấu hình máy tối thiểu để có thể sử dụng được phần mềm:  + Cài đặt HĐH Windows 7 trở lên , RAM 2G trở lên, Ổ Cứng trên 100GB. |  |
| **3** | **Về tài chính:**  - Số tiền phải thanh toán: **80.000.000 VNĐ**  - Khách hàng sẽ thanh toán toàn bộ kinh phí xây dựng dự án sau khi bàn giao sản phẩm.  - Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trực tiếp qua tài khoản ngân hàng. |  |

1. **Ràng buộc về tài nguyên.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả** | **Loại** |
| **1** | Các thành viên đội dự án đều không bị điều động sang thực hiện các đội dự án khác. | Nhân lực |
| **2** | Có đủ trang thiết bị như: laptop, và các thiết bị khác để làm việc. | Cơ sở vật chất |
| **3** | Không gặp khó khăn với khách hàng trong quá trình tìm hiểu và xây dựng sản phẩm. | Kinh doanh |

**2 . Sản phẩm bàn giao cho khách hàng.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Sản phẩm** | **Ngày bàn giao** | **Nơi bàn giao** |
| **1** | Tài liệu Phân tích thiết kế hệ  thống. | 05/05/2015 | Từ Liêm, Hà Nội. |
| **2** | Phần mềm ứng dụng hoàn  thiện. | 05/05/2015 | Từ Liêm, Hà Nội. |
| 3 | Tài liệu Hướng dẫn sử dụng. | 05/05/2015 | Từ Liêm, Hà Nội. |
| 4 | Hướng dẫn đào tạo. | 25/04/2015 | Từ Liêm, Hà Nội. |

**BẢNG CÔNG VIÊC**

* **Nhân sự.**

Sơ yếu lý lịch từng thành viên trong nhóm:

**1. Dương Lê Phúc Nguyện**

* Ngày sinh: …………...
* Địa chỉ: …………….. .
* Email: ……………………
* Số điện thoại: ………………………

**2. Vũ Tuấn Khắc**

* Ngày sinh: ………………
* Địa chỉ: ………………………….
* Email: ………………….
* Số điện thoại: ……………….

**3. Vũ Tiến Dũng**

* Ngày sinh: ………………
* Địa chỉ: …………………..
* Email: ……………………
* Số điện thoại:…………………..
* **Lịch trình tổng thể**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai Đoạn** | **Thời Gian** | **Công Việc** |
|  | **Thời gian thực hiện dự án: 05/02/2015 – 05/05/2015** | |
| 1 | 05/02/2015 | + Nhận yêu cầu của khách hàng.  + Thành lập tổ dự án. |
| 05/02 – 15/02/2015 | Khảo sát và phân tích yêu cầu của khách hàng. |
|  | 16/02 – 25/02/2015 | Nghỉ tết Nguyên Đán. |
| 2 | 26/02 – 07/03/2015 | Phân tích hệ thống, nghiệp vụ, giao diện… |
| 3 | 07/03 – 11/03/2015 | Gặp khách hàng và thiết kế CSDL. |
| 4 | 12/03 – 17/03/2015 | Thiết kế giao diện và thống nhất giao diện với khách hàng. |
| 5 | 18/03 – 15/04/2015 | Lập trình các modul. |
| 6 | 16/04 – 22/04/2015 | Kiểm thử và đưa ra phần mềm hoàn chỉnh. |
| 7 | 23/04 – 27/04/2015 | + Đào tạo và đưa PM cho khách hàng chạy thử.  +Phát hiện lỗi và sửa lỗi. |
|  | 28/04 – 03/05/2015 | Nghỉ lễ 10/03(al), 30/4 và 01/05. |
| 8 | 04/05 – 05/05/2015 | + Hoàn thành dự án.  + Bàn giao PM cho khách hàng.  + Nhận thanh toán và thanh lý hợp đồng. |

## Tổng quát

Thiết kế vật lý

2.1.2

Quản lý cửa hàng thuốc

0.0

Tìm hiểu/phân tích và đặc tả yêu cầu

1.0

Thiết kế/cài đặt

2.0

Triển khai/bảo trì

3.0

Khảo sát 1.1

Phân tích yêu cầu

1.2

Phân tích nghiệp vụ

1.3

Thiết kế

2.1

Kiểm thử

2.2

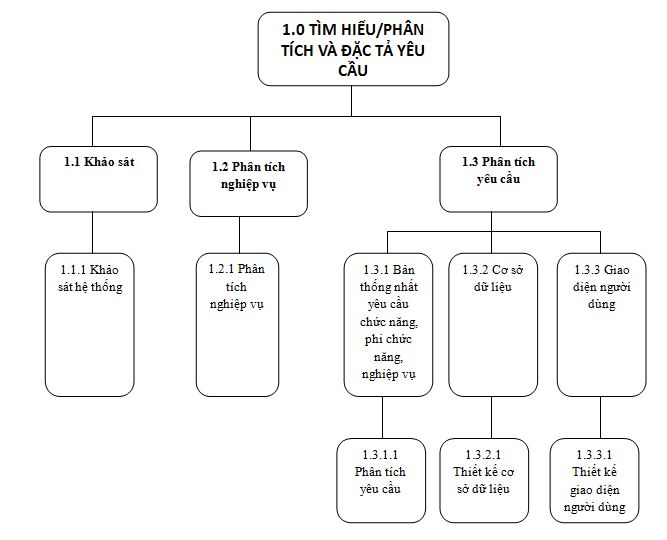
Thiết kế logic

2.1.1

Cài đặt

2.3

## Tìm hiểu/ phân tích và đặc tả yêu cầu



## Thiết kế/Cài đặt

* **Quản lý xuất nhập hàng đơn giản:** Lập và quản lý các hóa đơn nhập, hóa đơn xuất. Quản lý thông tin nhà cung cấp, xuất nhập, và điều chỉnh nhập/xuất hàng. Quản lý công việc bán, xử lý đơn hàng của khách hàng và nhà cung cấp nhanh chóng, chính xác và hiệu quả.Quản lý chặt chẽ hàng xuất nhập tồn kho, chuyển kho nội bộ, thuốc quá hạn sử dụng, dược phẩm mua vào, doanh thu bán hàng, lợi nhuận, công nợ khách hàng, công nợ nhà cung cấp, …Cung cấp các báo cáo nhanh, chính xác số lượng thuốc còn tồn theo loại thuốc, kho, lô sản xuất, quá hạn sử dụng. Báo cáo xuất – nhập – tồn theo: ngày, tháng, năm, kho. Báo cáo doanh số và lợi nhuận theo ngày, tháng, năm,…
* **Quản lí danh mục thuốc:** Quản lý danh mục thuốc bao gồm tất cả các vấn đề về tỉ giá, nhóm hàng, danh mục thuốc, giá thuốc, từ khóa, nhà cung ứng. Kèm theo đó, phần mềm quản lý quản lý thuốc còn giúp doanh nghiệp quản lý về số lô, hạn dùng, đặc tính, hoạt chất tính, đơn vị, hạn dùng… Với số lượng hàng khổng lồ và nhiều dữ liệu như vậy, nhân viên bán thuốc không còn gặp khó khăn trong việc lưu trữ mộ lượng lớn thông tin mà chuyển việc khó đó cho phần mềm quản lý bán hàng có ứng dụng công nghệ điện toán mây có thể chứa đựng một lượng lớn dữ liệu.
* **Quản lí kho:** In báo cáo hàng tồn kho dưới mức tối thiểu hoặc vượt mức tối ta được xác lập để sớm có kế hoạch bổ sung hàng. Hỗ trợ công tác kiểm kê hàng hóa định kỳ hoặc đột xuất. Cho phép kiểm kê riêng theo từng nhóm hàng đối với các trường hợp số lượng mặt hàng quá lớn không thể hoàn thành việc kiểm kê toàn bộ nhà thuốc ngay trong ngày làm việc. Cho phép chọn lựa ngẫu nhiên một số mặt hàng để kiểm kê đột xuất. Hệ thống tự động đối chiếu số liệu kiểm kê thực tế với số liệu tồn kho theo sổ sách để in ra chênh lệch (nếu có) trong báo cáo kết quả kiểm kê và có chức năng tự động lập phiếu nhập/xuất kho điều chỉnh chênh lệch tồn kho hàng hóa theo quyết định xử lý kết quả kiểm kê.

### Báo cáo thống kê: Thống kê doanh thu hàng tháng của cửa hàng, thống kê lô thuốc sắp hết hạn để tiện xử lí, thống kê lượng tồn của mỗi loại thuốc để có thể sắp xếp nhập mới trong đợt nhập mới. Nhờ vào chức năng thống kê báo cáo mà các hiệu thuốc có được con số trung thực và chính xác về doanh thu của nhà thuốc, dữ liệu báo cáo về nhập – xuất – tồn, báo cáo về danh sách bệnh nhân, đặc biệt là báo cáo về những loại thuốc sắp hết hạn, danh sách thuốc cần bổ sung, theo dõi biến động giá thuốc…từ đó gửi các báo cáo chuyên môn về Sở Y tế.

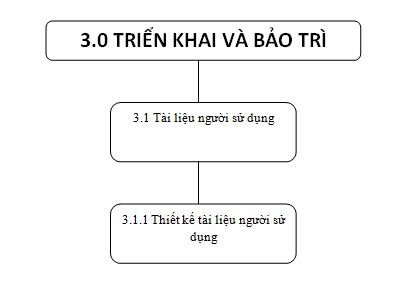
### Cảnh báo về hạn dùng của thuốc: Số lượng thuốc của một cửa hàng thuốc, một hiệu thuốc là rất lớn, vì thế vấn đề kiểm soát hạn dùng của mỗi loại rất khó khăn. Tuy nhiên, phần mềm quản lý hiệu thuốc sẽ giúp nhà chủ cửa hàng giải quyết triệt để vấn đề này nhờ vào hệ thống lưu trữ trên phần mềm. Nhờ đó, điều tiết nhập xuất thuốc hợp lý và có kế hoạch cho công tác kinh doanh tiếp theo.

### Quản lí nhân viên: Hỗ trợ phân quyền cho người sử dụng trên từng chức năng và báo cáo tùy theo các vai trò: nhân viên bán hàng, người quản lý… Cho phép người quản trị xem lại toàn bộ lịch sử cập nhật đơn bán hàng: lập đơn, in, sửa, xóa,… với đầy đủ các thông tin đã được được hệ thống lưu vết: ngày giờ chỉnh sửa, người chỉnh sửa, nội dung chỉnh sửa. Nhờ vào khả năng quản lý hóa đơn xuất bán, lịch sử giao dịch mà nhà quản lý có thể kiếm soát chặt chẽ xem nhân viên mình có bán đúng đơn thuốc, kê đúng đơn thuốc, bán đúng giá cho khách hàng hay không.

* **Hỗ trợ bán hàng:** Hỗ trợ bán thuốc kê đơn, bán hàng nhanh tính tiền theo liều. Chọn thuốc để lập đơn bán dễ dàng, nhanh chóng qua thao tác quét mã vạch. Tìm thuốc qua tên, hoạt chất… Cho phép nhập kho theo đơn vị tính sỉ, xuất bán theo đơn vị tính lẻ. Quản lý nhập xuất hàng hóa chi tiết từng lô và hạn sử dụng. Xem được hình ảnh các mắt hàng bán để nhân viên có thể kiểm tra, tránh trường hợp bị nhầm thuốc. Xem nhanh hàng tồn của từng mặt hàng.

Kinh doanh dược phẩm thông qua các cửa hàng thuốc, hiệu thuốc, nhà thuốc là một loại hình kinh doanh đặc thù nên phải có giải pháp quản lý chuẩn nhất. Ngoài việc nhân viên bán hàng là những “từ mẫu” bán đúng loại thuốc cho người bệnh thì cửa hàng thuốc cần phải trang bị thêm cho mình phần mềm quản lý cửa hàng thuốc để đem lại một phương thức quản lý chặt chẽ, hiệu quả.

**1.4 Triển khai**



# Ước lượng thời gian thực hiện dự án

## Ước lượng PERT

Thời khoảng được tính trên 3 giá trị thời gian ước lượng => thời gian kì vọng:

D=(MO + 4ML + MP)/6

*Trong đó:*

* *Ước lượng khả dĩ nhất (ML-Most Likely)*
* *Ước lượng lạc quan nhất (MO-Most Optimistic)*
* *Ước lượng bi quan nhất (MP-Most Perssimistic)*

### Bảng ước lượng thời gian cho công việc giai đoạn 1 (khảo sát, phân tích yêu cầu khách hàng)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên công việc | MO | ML | MP | D |
| Tìm hiểu hệ thống, khảo sát yêu cầu của khách hàng | 4 | 5 | 6 | 5 |
| Xây dựng tài liệu đặc tả theo yêu cầu của khách hàng | 4 | 5 | 6 | 5 |
| Tổng thời gian | 8 | 10 | 12 | 10 |

### Bảng ước lượng thời gian cho công việc giai đoạn 2 (phân tích yêu cầu, nghiệp vụ và thiết kế)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên công việc | MO | ML | MP | D |
| Phân tích yêu cầu, thiết kế về mặt chức năng và mô tả khung giao diện | 3 | 4 | 5 | 4 |
| Hoàn thành tài liệu phân tích thiết kế hệ thống | 2 | 3 | 3.5 | 3.1 |
| Thiết kế giao diện của phần mềm (trên giấy) | 1 | 2 | 3 | 2 |
| Nhận ý kiến của khách hàng và chỉnh sửa để hoàn thiện giao diện | 1 | 2 | 2.5 | 2.1 |
| Tổng thời gian | 7 | 11 | 14 | 11.2 |

### Bảng ước lượng thời gian cho công việc giai đoạn 3 (gặp khách hàng và thiết kế CSDL)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên công việc | MO | ML | MP | D |
| Gặp khách hàng | 1.5 | 2 | 2.5 | 2 |
| Thiết kế CSDL | 2.5 | 3 | 3.5 | 3 |
| Tổng thời gian | 4 | 5 | 6 | 5 |

### Bảng ước lượng thời gian cho công việc giai đoạn 4 (Thiết kế giao diện và thống nhất giao diện với khách hàng)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên công việc | MO | ML | MP | D |
| Thiết kế giao diện | 3.5 | 4 | 4.5 | 4 |
| Thống nhất giao diện với khách hàng | 1.5 | 2 | 2.5 | 2 |
| Tổng thời gian | 5 | 6 | 7 | 6 |

### Bảng ước lượng thời gian cho công việc giai đoạn 5 (Lập trình các modul)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên công việc | MO | ML | MP | D |
| Code UC: Quản lý xuất nhập hàng | 4 | 4.5 | 5 | 4.5 |
| Code UC: Quản lí danh mục thuốc | 4 | 4.5 | 5 | 4.5 |
| Code UC: Quản lí kho | 4 | 4.5 | 5 | 4.5 |
| Code UC: Báo cáo thống kê | 3 | 3.5 | 4 | 3.5 |
| Code UC: Cảnh báo về hạn dùng của thuốc | 2 | 2.5 | 3 | 2.5 |
| Code UC: Quản lí nhân viên | 3 | 3.5 | 4 | 3.5 |
| Code UC: Hỗ trợ bán hàng | 1 | 2 | 2.5 | 2.1 |
| Code UC: Hoàn thành chương trình và chạy được | 1.5 | 2 | 2.5 | 2.1 |
| Tổng thời gian | 22.5 | 27 | 31 | 27.1 |

### Bảng ước lượng thời gian cho công việc giai đoạn 6 (Kiểm thử)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên công việc | MO | ML | MP | D |
| Kiểm thử giao diện | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Kiểm thử chương trình | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Kiểm thử theo yêu cầu khách hàng | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Tiếp nhận lỗi và hoàn chỉnh sản phẩm | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Xây dựng bản báo cáo hoàn thiện sản phẩm và tài liệu hướng dẫn quản trị và sử dụng sản phẩm. | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Tổng thời gian | 7 | 7 | 7 | 7 |

### Bảng ước lượng thời gian cho công việc giai đoạn 7 (Đào tạo và đưa PM cho khách hàng chạy thử, phát hiện lỗi và sửa lỗi.)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên công việc | MO | ML | MP | D |
| Cài đặt phần mếm cho khách hàng chạy thử | 1h | 2h | 3h | 2h |
| Đào tạo khách hàng cách sử dụng phần mềm hiệu quả | 2 | 2.5 | 3 | 2.5 |
| Tiếp nhận lỗi và hoàn chỉnh sản phẩm | 3 | 3 | 3 | 3 |
| Tổng thời gian | 5 | 5.5 | 6 | 5.5 |

### Bảng ước lượng thời gian cho công việc 8 (Bàn giao phần mềm cho khách hàng,triển khai và bảo trì)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên công việc | MO | ML | MP | D |
| Bàn giao phần mềm cho khách hàng | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Thanh toán và thanh lý hợp đồng | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Tổng thời ngian | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Nhận bảo trì và nâng cấp phiên bản theo yêu cầu của khách hàng. | … | .. | .. | .. |
|  |  |  |  |  |

# Kiểm soát rủi ro

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Công việc | Những rủi ro có thể xảy ra | Mức độ ảnh hưởng | Xác xuất xảy ra | Mức độ nguy hiểm và biện pháp |
| Lập kế hoạch dự án | Lập kế hoạch dự án không phù hợp | Cao | 10% | Xem lại kế hoạch |
| Thiết kế cơ sở dữ liệu | Cơ sở dữ liệu cồng kềnh, thiếu chuẩn xác | TB | 10% | TB-Xác định rõ phạm vi hệ thống |
|  | Yêu cầu của đối tác thay đổi thường xuyên | Cao | 20% | Cao-Quy định lại với khách hàng |
| Dự trù kinh phí | Dự trù kinh phí chưa phù hợp | TB | 20% | TB-Xem lại ước tính chi phí |
| Thiết kế tài liệu hướng dẫn sử dụng | Khách hàng chưa hài lòng với sản phẩm | Cao | 15% | TB-Sửa chữa kịp thời |
| Rủi ro khác | Máy tính bị hỏng | Cao | 10% | Cao-sao lưu dữ liệu ra nhiều bản và kịp thời sửa chữa |

4. Phân bố lực lượng, tài nguyên

- Con người

| STT | Tên | Vị trí trong dự án | Ngày bắt đầu | Ngày kết thúc | Thời gian làm việc[[1]](#footnote-1) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quản lý** | | | | | |
|  | Dương Lê Phúc Nguyện | Trưởng dự án | 5/2/2015 | 5/5/2015 |  |
| **Nhóm Quản lý chất lượng:**Kiểm soát chất lượng công việc, kết quả các nhóm dự án | | | | | |
|  | Vũ Tiến Dũng | Tổ trưởng | 5/2/2015 | 5/5/2015 |  |
|  | Vũ Tuấn Khắc | Thành viên | 5/2/2015 | 5/5/2015 |  |
| **Nhóm phân tích nghiệp vụ** | | Chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, các quy trình nghiệp vụ hiện tại nhằm làm căn cứ để làm các tài liệu phân tích nghiệp vụ, tài liệu giải pháp và tài liệu phân tích yêu cầu. | | | |
|  | Dương Lê Phúc Nguyện | Tổ trưởng | 5/2/2015 | 15/2/2015 |  |
| **Nhóm Phân tích yêu cầu** | | Chịu trách nhiệm trình bày một cách tường minh yêu cầu của người sử dụng về hệ thống quản lý đào tạo, bao gồm mục tiêu và phạm vi của hệ thống, các quy trình nghiệp vụ sau khi được tin học hóa, các yêu cầu chức năng và phi chức năng và các ràng buộc khác có liên quan và tiêu chuẩn nghiệm thu hệ thống | | | |
|  | Dương Lê Phúc Nguyện | Thành viên | 25/2/2015 | 07/3/2015 |  |
|  | Vũ Tiến Dũng | Thành viên | 25/2/2015 | 07/3/2015 |  |
| **Nhóm TK CSDL** | | Chịu trách nhiệm xây dựng và thiết kế CSDL | | | |
|  | Dương Lê Phúc Nguyện | Tổ trưởng | 07/3/2015 | 11/3/2015 |  |
|  | Vũ Tiến Dũng | Thành viên | 07/3/2015 | 11/3/2015 |  |
|  | Vũ Tuấn Khắc | Thành viên | 07/3/2015 | 11/3/2015 |  |
| **Nhóm TK Giao Diện** | | Chịu trách nhiệm xây dựng và thiết kế Giao Diện | | | |
|  | Vũ Tiến Dũng | Tổ trưởng | 12/3/2015 | 17/3/2015 |  |
|  | Vũ Tuấn Khắc | Thành viên | 12/3/2015 | 17/3/2015 |  |
| **Nhóm Lập trình** | | Chịu trách nhiệm xây dựng và cài đặt chương trình | | | |
|  | Vũ Tuấn Khắc | Tổ trưởng | 18/3/2015 | 15/4/2015 |  |
|  | Vũ Tiến Dũng | Thành viên | 18/3/2015 | 15/4/2015 |  |
|  | Dương Lê Phúc Nguyện | Thành viên | 18/3/2015 | 15/4/2015 |  |
| **Nhóm Tester** | | Kiểm thử và tìm lỗi | | | |
|  | Vũ Tiến Dũng | Thành viên | 16/4/2015 | 22/4/2015 |  |
|  | Vũ Tuấn Khắc | Thành viên | 16/4/2015 | 22/4/2015 |  |
| **Nhóm Tổng hợp báo cáo** | | Chịu trách nhiệm viết dự thảo báo cáo cuối cùng và báo cáo cuối cùng | | | |
|  | Dương Lê Phúc Nguyện | Tổ trưởng | 16/4/2015 | 22/4/2015 |  |
|  | Vũ Tuấn Khắc | Thành viên | 16/4/2015 | 22/4/2015 |  |
| Nhóm Đào tạo | | Đào tạo và đưa PM cho khách hàng chạy thử.  Phát hiện lỗi và sửa lỗi. | | | |
|  | Dương Lê Phúc Nguyện | Tổ trưởng | 23/4/2015 | 27/4/2015 |  |
|  | Vũ Tiến Dũng | Thành viên | 23/4/2015 | 27/4/2015 |  |
|  | Vũ Tuấn Khắc | Thành viên | 23/4/2015 | 27/4/2015 |  |

- Thiết bị: Máy tính, máy in.

- Văn phòng phẩm: giấy, bút

- Tài chính: cụ thể trong phần tính toán chi phí

7. Tính toán chi phí

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Hạng mục | Giải trình | Đơn giá (nghìn) | Số lượng | Thành tiền  (nghìn) | Ghi chú |
| 1 | Đào tạo | Đào tạo nghiệp vụ (2 buổi/5 người) | 200 | 2 | 400 |  |
| 2 | Tiếp khách | Chi phí đi lại (15 ngày/4 người) | 100 | 15 | 1500 |  |
| Chi phí tài liệu (photo in) giao cho khách hàng | 50 | 5 | 250 |  |
| Chi phí hội thảo thống nhất tài liệu yêu cầu người sử dụng với khách hàng+ tiếp khách | 1500 | 1 | 1500 |  |
| 3 | Trang thiết bị | Văn phòng, máy móc làm việc, giấy bút, bảng… | 2000 | 1 | 2000 |  |
|
| 4 | Đội dự án | Chi phí cho đội dự án | 60000 | 1 | 60000 |  |
| 5 | Giai đoạn triển khai kiểm thử | Chi phí tài liệu giao cho khách hàng | 50 | 4 | 200 |  |
| Chi phí đi lại (2 người/10 ngày) | 100 | 10 | 1000 |  |
| Chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng | 500 | 1 | 500 |  |
| Chi phí hội thảo đánh giá về hệ thống trong thời gian thử nghiệm với khách hàng + tiếp khách | 1500 | 1 | 1500 |  |
| 6 | Giai đoạn triển khai chính thức | Chi phí đi lại (4 người/ 5 ngày) | 100 | 7 | 700 |  |
| Chi phí hội thảo | 1500 | 1 | 1500 |  |
| 7 | Chi phí nghiệm thu | Chi phí nghiệm thu và liên hoan | 2000 | 1 | 2000 |  |
| 8 | Chi phí bảo trì hệ thống | Chi phí bảo trì | 3000 | 1 | 3000 |  |
| 9 | Chi phí dự phòng | Chi phí dự phòng cho dự án trường hợp cần thiết | 10000 | 1 | 10000 |  |
| Tổng | | | | | 86050 |  |
| Thuế Nhà nước | | | | | 8605 |  |
| Thành Tiền | | | | | 95550 |  |

1. Ghi vào cột này các thông tin về thời gian làm việc của cán bộ, ví dụ như % của tổng số nhân công dự án hoặc số giờ làm việc trong một ngày hay một tuần. [↑](#footnote-ref-1)